

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/08/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+P1+VSP02	7:25	5+14+3	0+0+0		5+0+16	0+0+0	
2		RC8+RP1+RP3	7:25	3+0+19	0+0+0		0+2+20	0+0+0	chuyen 1 rc8-rp1
3		RP2+CLO	7:25	9+13	0+0		7+15	0+0	
4		CTC1+RC10+CLO	9:25	10+4+6	0+0+0		6+5+9	0+0+0	thảo 2 ghế chỗ TP
5		BK6+TD1	9:25	8+14	0+0		5+17	0+0	
6		P2+BK6	9:25	22+0	0+0		21+0	0+0	chuyen 1 P2-BK6
7		PPD	11:25	19	0		19	0	puma
8		P8+P4+BK4	11:25	8+14+0	0+0+0		1+17+3	0+0+0	
9		RP2+TD1	11:25	13+9	0+0		11+11	0+0	chuyen 1 RP2-TD1
10		TD5+RC3+CTC1	13:25	6+6+8	0+0+0		5+6+11	0+0+0	
11		PVD1+BK5+RP2	13:25	6+5+10	0+0+0		3+5+13	0+0+0	
12		P2	13:25	17	0		19	0	puma

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P4-2ng, CTC1-6ng



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	TO: P4 - P1 - VSP02	CREW: VThắng - HTrung - DTùng	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC QUANG	P4	68	1	3		70	KHI	Vietnamese
2	PHẠM THANH KHIẾT	P4	69	1	6		70	KHI	Vietnamese
3	LÊ QUANG ANH HÙNG	P4	67	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
4	LUONG TUAN CHUNG	P4					78	KHI	Vietnamese
5	PHẠM VĂN QUYỀN	P4	70	1	8	25	78	KHI	Vietnamese
6	PHẠM THANH TAI	P1	71-72	2	13		76	KH-THAC	Vietnamese
7	CAO VĂN GIÁP	P1	77-78	2	9		82	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG BA THẮNG	P1	76	1	18		62	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN CÔNG	P1	66-67	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HAI NAM	P1	75	1	9		77	XAYLAP	Vietnamese
11	TRƯƠNG VĂN NHIỀU	P1	63	1	10		83	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN TRỌNG	P1	73-74	2	18		83	XAYLAP	Vietnamese
13	HA VAN NHIEM	P1	45,78	2	18	14	73	XAYLAP	Vietnamese
14	HỒ VĂN DUYỆT	P1	72	1	10	14	62	XAYLAP	Vietnamese
15	HA VAN SAU	P1	64-65	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC TUYẾN	P1	70-71	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VINH THẢO	P1	68-69	2	17		55	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ HỒNG QUAN	P1	76	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN TIẾN TRƯỞNG	P1	74-75	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
20	HÀN VĂN HIỂU	VSP02	69	1	9		78	PSV	Vietnamese
21	VŨ ĐÌNH TỰ	VSP02	68	1	9	20	65	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	VSP02	67	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	5	4	23	363	25	5		
2	P1	14	23	205	996	28	0		
3	VSP02	3	3	23	203	20	16		
TOTAL		22	30	251	1.562	73	21		
WEIGHT KG				251	1.562	73			

GRAND TOAL: 1.886 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/08/2023	TO: RC8 - RP1 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.ANH - THỤ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÀ QUANG CƯỜNG	RC8	07-09	3	15		70	XAYLAP	Vietnamese
2	ERDINC BULUT	RC8	05-06	2	18	20	75	NHATHAU	Turkish
3	ALI TUTKUN	RC8	03-04	2	19		75	NHATHAU	Turkish
4	HOANG THANH HOA	RP3	09-10	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TAT THANH	RP3	05	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VAN HUNG	RP3					80	KHI	Vietnamese
7	TRAN VIET QUANG	RP3	14	1	6		78	KHI	Vietnamese
8	LE NGU NGUYEN	RP3	19-20	2	10		70	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TAN	RP3					70	KHI	Vietnamese
10	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	03	1	5		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC ANH	RP3	11	1	5	60	72	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN TRUNG KIEN	RP3	08	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN THANH HA	RP3	06-07	2	7		72	KHI	Vietnamese
14	PHAM DUY DUNG	RP3					80	KHI	Vietnamese
15	NGO THANH LAM	RP3	13	1	3		65	KHI	Vietnamese
16	ĐANG HUY KHANH	RP3	02	1	8		75	KHI	Vietnamese
17	HOANG VAN CHIEN	RP3	01	1	5		67	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TUONG	RP3					70	KHI	Vietnamese
19	HOANG DINH CHIEN	RP3	13	1	4		70	PSV	Vietnamese
20	BUI VAN LONG	RP3	15	1	3		70	PSV	Vietnamese
21	TRAN VAN CAN	RP3	04	1	7		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC8	3	7	52	220	20	0	0	CHUYEN 01 PAX TU RC8 SANG RP1
2	RP1	0	0	0	0	20	0	0	
3	RP3	18	17	83	1.262	60	20	0	
TOTAL		21	24	135	1.482	100	22	0	
WEIGHT KG				135	1.482	100			

GRAND TOAL: 1.717 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/08/2023	TO: RP2 - CLO	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Mạnh - QTrưởng	ETA: 09:30
VANG - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IAKIMIDI	RP2	61	1	16		105	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN BINH LONG	RP2	57	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	63	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC CHINH	RP2	62	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN CÔNG HOANG	RP2	56	1	15		66	KH-THAC	Vietnamese
6	LUU VĂN ĐIỀN	RP2	64	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HUNG CUONG	RP2	59-60	2	7	13	85	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN BA DUY	RP2	65	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HONG QUANG	RP2	58	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VAN HUNG	CLO	32	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
11	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	30	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN TRUNG THANH	CLO	31	1	9		79	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC LY	CLO	26	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TRỌNG NHẬT	CLO	25	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	27	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ MINH TUNG	CLO	20	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN BUI QUANG	CLO	28	1	5	80	68	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN KIM HÙNG	CLO	21	1	11		73	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM TIẾN VINH	CLO	24	1	14		81	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN THUAN	CLO	22-23	2	13		72	KHOAN	Vietnamese
21	YANCHENKO SERGEY	CLO	29	1	10		80	ANTOAN	Russian
22	TRẦN MINH BẠCH	CLO	19	1	7		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	9	10	78	679	13	7		
2	CLO	13	14	102	938	80	15		
TOTAL		22	24	180	1.617	93	22		
WEIGHT KG				180	1.617	93			

GRAND TOAL: 1.890 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/08/2023	TO: CTC1 - RC10 - CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.ANH - THỤ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐẠI	CTC1	96	1	6		70	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH HÙNG	CTC1					80	D-HANH	Vietnamese
3	PHẠM XUÂN KHOA	CTC1	98	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
4	AKOPOV	CTC1	97	1	5		75	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN TIẾN THỨC	CTC1	99	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ANH VŨ	CTC1	100	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CANH TÂN	CTC1					70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH VŨ	CTC1					80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THỊ HẰNG	CTC1					60	NIPI	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG TỰ	CTC1					70	DUY LINH	Vietnamese
11	CHU ĐỨC HÙNG	RC10	14-15	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
12	TẠ VĂN VIỆT	RC10	12-13	2	13	255	78	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM TRUNG KIẾN	RC10	10	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ NGỌC HÙNG	RC10	11	1	7		63	PSV	Vietnamese
15	VŨ VĂN THÂM	CLO	13	1	4		58	PSV	Vietnamese
16	HOANG HỮU THỌ	CLO	11	1	2	20	72	PSV	Vietnamese
17	LÊ MINH MINH	CLO	14	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	LÊ VĂN HÙNG	CLO	10	1	4		63	PSV	Vietnamese
19	PHAN MINH TUẤN	CLO	09	1	4		72	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN CUÔNG	CLO	12	1	6		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	10	5	37	727	0	6		Tháo 1 ghế đôi chờ TP
2	RC10	4	6	32	273	255	5		
3	CLO	6	6	25	392	20	9		
TOTAL		20	17	94	1.392	275	20		
WEIGHT KG				94	1.392	275			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	TO: BK6 - TD1	CREW: VThắng - HTrung - DTùng	ETA: 11:45
CAM - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGỌC AN	BK6	49	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TÙNG	BK6	41-42	2	11		72	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ HỮU LINH	BK6	45	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG SƠN	BK6	46	1	9	20	80	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	BK6	43-44	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ ĐỨC HUY	BK6	51-53	3	20		65	T-TIN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN PHÊ	BK6	47-48	2	9		65	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY QUY	BK6	50	1	10		65	PSV	Vietnamese
9	PHAN VIỆT HÙNG	TD1	16	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1	13	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN NGUYỄN	TD1	600	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG THÔNG TRI MÀN	TD1	10	1	11		64	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	TD1	08-09	2	14		70	KHOAN	Vietnamese
14	MAI XUÂN TÙNG	TD1	97-98	2	15		74	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ MẠNH HẢI	TD1	19	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
16	TRÌNH CAO TRỌNG	TD1	96	1	15	12	73	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD1	11-12	2	17		79	KHOAN	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN QUANG	TD1	17-18	2	12		82	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN KÝ	TD1	14	1	8		68	YTE	Vietnamese
20	STESHIN VALERIY	TD1	99	1	17		165	KHOAN	Russian
21	NGUYỄN VĂN THỰC	TD1	07	1	14		82	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	8	13	94	573	20	5		
2	TD1	13	17	144	1.031	12	17		
TOTAL		21	30	238	1.604	32	22		
WEIGHT KG				238	1.604	32			

GRAND TOAL: 1.874 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/08/2023	TO: P2 - BK6	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Mạnh - QTrưởng	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TUẤN ANH	P2	49-50	2	19		60	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH NAM	P2	38-39	2	12		71	KHI	Vietnamese
3	SUMANDA JOHNY LEGASPI	P2	58-59	2	15		65	KHI	Philippines
4	SECRETARIA CIPRIANO JRCABALLER	P2	56-57	2	13		73	KHI	Philippines
5	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	37	1	10	20	75	YTE	Vietnamese
6	BAGRAMOV A.	P2	60	1	19		92	KH-THAC	Russian
7	HOANG ĐÌNH QUÊ	P2	60	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG XUÂN ĐIỆP	P2	51	1	5	80	47	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM QUỐC HIẾN	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN NGUYỄN BẢO CHÂU	P2					63	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG MINH ĐỨC	P2	54	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC HUY	P2	53	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	55	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯU VĂN TÚ	P2	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ VĂN HIỆU	P2	43	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG SỸ NGỌC	P2	45	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
17	TẠNG MẠNH HÀ	P2	47	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
18	CHU QUYNH AN	P2	48	1	7		102	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	46	1	3		86	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	42	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	44	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM THIÊN NAM	P2	41	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	24	161	1.578	100	22	+1	CHUYỂN 1 PAX P2-BK6 +60 KG VỂ BỜ TU P2
2	BK6	0	0	0	0	35	0		
TOTAL		22	24	161	1.578	135	22		
WEIGHT KG				161	1.578	135			

GRAND TOAL: 1.874 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 12:05
FLIGHT: 7	TO: PPD	CREW: NKhánh - TRƯỞNG	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAM QUANG NAM	PPD	47	1	8		78	KHI	Vietnamese
2	HOANG MINH HIEU	PPD	48-49	2	15		68	KHI	Vietnamese
3	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	62	1	4		67	KHI	Vietnamese
4	BUI THANH HAI	PPD	64	1	4		63	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	50	1	3		75	KHI	Vietnamese
6	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	60	1	5		70	KHI	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	65	1	10		69	KHI	Vietnamese
8	VÔ TẠ QUANG	PPD	52	1	5		71	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN VĨNH	PPD	53	1	5		77	KHI	Vietnamese
10	PHẠM HỒNG THAI	PPD	61	1	4		65	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	54	1	5		66	KHI	Vietnamese
12	ĐẶNG VĂN BAN	PPD					80	KHI	Vietnamese
13	HUYNH NAM LONG	PPD	66	1	8		72	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	58	1	6		50	KHI	Vietnamese
15	BUI NANG PHONG	PPD	63	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN SƠN HAI	PPD	51	1	5		73	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	59	1	5		77	KHI	Vietnamese
18	ĐO VĂN TỰ	PPD	56-57	2	10		60	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH CƯƠNG	PPD	55	1	5		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	19	20	110	1.327	0	19		
TOTAL		19	20	110	1.327	0	19		
WEIGHT KG				110	1.327	0			

GRAND TOAL: 1.437 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	TO: P8 - P4 - BK4	CREW: Linh - ĐNam - Huy	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DANH CHIÊN	P8	14-15	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
2	VÕ KIM THÔNG	P8	800	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LỢI	P8	09	1	15	10	65	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐO HỒNG VĂN	P8	07-08	2	11		67	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐOAN HOANG SƠN	P8	10	1	12	14	90	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TỈNH	P8	12-13	2	14		72	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VĂN LỢI	P8	01-02	2	13	12	57	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC THANH	P8	04-06	3	18		60	T-TIN	Vietnamese
9	LÊ MINH HIẾU	P4	85	1	7		68	KHI	Vietnamese
10	HOANG ĐỨC LAM ANH	P4	79	1	3		81	KHI	Vietnamese
11	LÊ VĂN HƯƠNG	P4	74	1	5		68	KHI	Vietnamese
12	TRẦN DUY KHUÔNG	P4	83	1	5		90	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐĂNG TUÂN	P4	77	1	3		70	KHI	Vietnamese
14	ZHURBIN N.B	P4	75	1	8	15	95	KHI	Russian
15	HOANG VĂN HÙNG	P4					74	KHI	Vietnamese
16	TÀ VĂN QUYNH	P4					74	KHI	Vietnamese
17	VŨ NGỌC TUÂN	P4	76	1	8		84	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	P4	73	1	3		68	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH CANG	P4	78	1	6		77	KHI	Vietnamese
20	TRỊNH VĂN THAI	P4	80-81	2	10		67	KHI	Vietnamese
21	TRẦN BA THƯƠNG	P4	82	1	9		62	KHI	Vietnamese
22	MA VĂN THẮNG	P4	84	1	6		64	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	8	14	110	551	36	1		
2	P4	14	13	73	1.042	15	17		
3	BK4	0	0	0	0	35	3		
TOTAL		22	27	183	1.593	86	21		
WEIGHT KG				183	1.593	86			

GRAND TOAL: 1.862 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/08/2023	TO: RP2 - TD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: HÙNG - XTrường - Thành	ETA: 14:05
XANH - 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	53	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	54	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN TÂN TÀI	RP2	51	1	5	60	70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2	45	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG VĂN LINH	RP2	43-44	2	16		60	YTE	Vietnamese
6	HỒ ĐỨC LONG	RP2	49	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HOANG HUNG	RP2	50	1	11		85	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ HỮU QUÂN	RP2	46	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG TUÂN CUÔNG	RP2	66	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ HOANG CẨM	RP2	48	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ LAM	RP2	47	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	52	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HUU TUYẾN	TD1	89	1	7		63	DVL	Vietnamese
14	TRẦN ĐẠI HUNG	TD1	87	1	7		74	DVL	Vietnamese
15	ĐINH VIỆT DŨNG	TD1	88	1	7		63	DVL	Vietnamese
16	VŨ VĂN THU	TD1	90	1	6		64	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN SỸ	TD1	93	1	5		55	PSV	Vietnamese
18	ĐẠU VIỆT BẠC	TD1	92	1	4		78	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH CUÔNG	TD1	20	1	5		82	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN AI	TD1	91	1	5		55	PSV	Vietnamese
21	PHẠM THẾ THUẬN	TD1	94	1	3		73	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	TD1	85-86	2	10		90	DKVN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

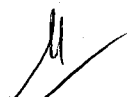
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	12	13	80	809	60	11+		CHUYỂN 1 PAX RP2-TD1
2	TD1	10	11	59	697	0	11		
TOTAL		22	24	139	1.506	60	22		
WEIGHT KG				139	1.506	60			

GRAND TOAL: 1.705 KGS

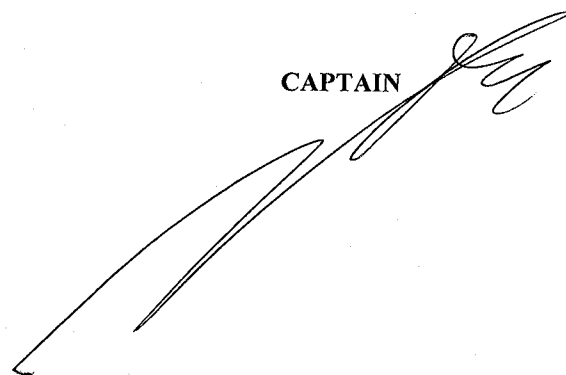
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:30
FLIGHT: 10	TO: TD5 - RC3 - CTC1	CREW: Linh - ĐNam - Huy	ETA: 16:20
NAU-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TẤT HÒA	TD5					77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN KHAI	TD5	03	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG HAI	TD5	06-07	2	8		85	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH SƠN	TD5	04	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TUẤN	TD5	05	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÌNH VĂN ĐÔNG	TD5	02	1	8		60	DVL	Vietnamese
7	LÂM TRỌNG ĐẠI	RC3	74-75	2	14	45	55	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ LÊ TRUNG	RC3	71-72	2	11		69	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG MINH KHANH	RC3	73	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ KHANH NAM	RC3	69	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN HAI VIỆT	RC3	70	1	6		93	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI ĐỨC KHANH	RC3	76	1	6		57	PSV	Vietnamese
13	BUI SỸ HIẾU	CTC1	81	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	LUƠNG XUÂN THANH	CTC1	76	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG NGOC LAN	CTC1	82	1	7	40	75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	80	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LÂM	CTC1	84	1	7		64	CODIEN	Vietnamese
18	LÊ NGỌC HIỆP	CTC1	77-79	3	20		79	CODIEN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN VIỆT (1991)	CTC1	75	1	6		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TRUNG THÀNH	CTC1	85	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	6	6	39	420	0	5		
2	RC3	6	8	48	410	45	6		
3	CTC1	8	10	61	562	40	11		
TOTAL		20	24	148	1.392	85	22		
WEIGHT KG				148	1.392	85			

GRAND TOAL: 1.625 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:35
FLIGHT: 11	TO: PVD1 - BK5 - RP2	CREW: HƯNG - XTrường - Thành	ETA: 16:25
TRANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯỜNG QUYẾT THẮNG	PVD1	92	1	15		77	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN QUANG VŨ	PVD1	88	1	16		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	PVD1	90	1	11		90	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TRUNG	PVD1	87	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN HIẾU	PVD1	91	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN AN NINH	PVD1	89	1	15		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG THÀNH	BK5	27	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK5	30	1	8	30	65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THUAN	BK5	29	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH VĂN HAI	BK5	28	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN XUÂN HOÀ	BK5	06	1	3		72	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	10	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN NGÔN QUANG DUY	RP2	01	1	6		94	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VIỆT TRƯỞNG	RP2	05-06	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN ĐỨC NGUYỄN	RP2	03	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯƠNG NGỌC THANH	RP2	07	1	5		98	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG TÂN	RP2	09	1	4		56	PSV	Vietnamese
18	LÊ MẠNH HÙNG	RP2	08	1	7		76	PSV	Vietnamese
19	HOÀNG VIỆT ANH	RP2	10	1	5		66	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN MINH	RP2	04	1	8		85	PSV	Vietnamese
21	PHAN VĂN HỒNG	RP2	02	1	8		70	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT NHƯỠNG	RP2	11-12	2	13		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	6	6	81	458	0	3		
2	BK5	5	5	28	346	30	5		
3	RP2	11	13	78	796	0	13		
TOTAL		22	24	187	1.600	30	21		
WEIGHT KG				187	1.600	30			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 14:40
FLIGHT: 12	TO: P2	CREW: NKhánh - TRƯỜNG	ETA: 16:30
CAM-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THO DUNG	P2	83	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HUU HA	P2	93	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
3	KLING	P2	90	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN PHONG	P2	80-81	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
5	DO HUY HUNG	P2	77	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN PHU HUU	P2	76	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
7	VU NGOC DUNG	P2	91	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC DU	P2	82	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VAN QUYEN	P2	62	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LE SINH TAM	P2	78	1	4		92	KH-THAC	Vietnamese
11	LE DINH HUAN	P2	89	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	VU DUC HOANG	P2	79	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	ARTYUSHIN SERGEY	P2	88	1	12		88	ANTOAN	Russian
14	LE XUAN DAM	P2	95	1	5		65	PSV	Vietnamese
15	TA QUANG PHUC	P2	84	1	10		108	PSV	Vietnamese
16	LY CHUYEN CHIEU	P2	94	1	5		92	PSV	Vietnamese
17	DOAN VAN HUYEN	P2	85	1	8		60	KHI	Vietnamese
18	PHAM THANH NAM	P2	87	1	10		60	KHI	Vietnamese
19	DINH VAN CHUNG	P2	86	1	4		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	19	20	129	1.380	0	19		
TOTAL		19	20	129	1.380	0	19		
WEIGHT KG				129	1.380	0			

GRAND TOAL: 1.509 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

